

## COUNT/NONCOUNT NOUNS AND ARTICLES

### Exercise 8. Grammar and speaking. (Charts 11-2 and 11-3)

Add final **-s/-es** if possible. Otherwise, choose **Ø**. Then decide if you agree or disagree with the statement. **Thêm -s/-es nếu cần. Nếu không, chọn Ø. Sau đó chọn đồng ý hoặc không đồng ý với câu đó.**

1. I'm learning a lot of **grammar** Ø this term. 
2. Count and noncount **noun** s are easy.
3. A good way to control **traffic** \_\_\_\_\_ is to charge people money to drive in the city.
4. Electric **car** \_\_\_\_\_ will replace gas **car** \_\_\_\_\_.
5. **Information** \_\_\_\_\_ from the Internet is usually reliable.
6. **Fact** \_\_\_\_\_ are always true.
7. Many **word** \_\_\_\_\_ in English are similar to those in my language.
8. The best way to learn new **vocabulary** \_\_\_\_\_ is to memorize it.
9. I enjoy singing karaoke **song** \_\_\_\_\_. 
10. I enjoy listening to classical **music** \_\_\_\_\_.
11. I like to read good **literature** \_\_\_\_\_.
12. I like to read mystery **novel** \_\_\_\_\_.
13. **Beach** \_\_\_\_\_ are relaxing places to visit.
14. Walking on **sand** \_\_\_\_\_ is good exercise for your legs.
15. Parents usually have helpful **suggestion** \_\_\_\_\_ for their kids.
16. Sometimes kids have helpful **advice** \_\_\_\_\_ for their parents

### Exercise 9. Warm-up. (Chart 11-4)

Complete the sentences with words from the list. Make sentences that are true for you. **Hoàn thành các câu sau với các từ trong danh sách. Viết các câu đúng với bạn.**

beauty	health	milk	pollution	traffic
coffee	honesty	money	smog	violence
happiness	juice	noise	tea	water

1. During the day, I drink \_\_\_\_\_ or \_\_\_\_\_
2. Two things I don't like about big cities are \_\_\_\_\_ and \_\_\_\_\_.
3. \_\_\_\_\_ is more important than \_\_\_\_\_.



## 11-4 More Noncount Nouns (Các danh từ không đếm được)

(a) Liquids (Các loại chất lỏng)	Solids and Semi-Solids (Chất rắn và bán rắn)					Gases (Khí)
coffee	soup	bread	meat	chalk	paper	air
milk	tea	butter	beef	glass	soap	pollution
oil	water	cheese	chicken	gold	toothpaste	smog
		ice	fish	iron	wood	smoke
<b>(b) Things That Occur in Nature (Những thứ diễn ra trong tự nhiên)</b>						
weather	darkness	thunder				
rain	light	lightning				
snow	sunshine					
<b>(c) Abstractions (Trùu tượng: không có hình dạng, không chạm được)</b>						
beauty	fun	courage	generosity	experience	happiness	
health	ignorance	luck	selfishness	violence	progress	
help	kindness	patience	time	knowledge	honesty	

### Exercise 10. Looking at grammar. (Charts 11-2 -> 11-4)

Add final **-s/-es** if possible. Otherwise, write **Ø**. Choose verbs in parentheses as necessary. **Thêm đuôi -s/-es nếu cần. Nếu không, viết Ø. Chọn các động từ trong ngoặc nếu cần.**

1. I made some **mistake****s** on my algebra test.
2. In winter in Siberia, there **(is) are** **snow****Ø** on the ground.
3. Siberia has very cold **weather** \_\_\_\_\_.
4. Be sure to give the new couple my best **wish** \_\_\_\_\_.
5. I want to wish them good **luck** \_\_\_\_\_.



6. Silver \_\_\_\_\_ **(is, are)** expensive. Diamond \_\_\_\_\_ **(is, are)** expensive too.
7. I admire Professor Yoo for her extensive **knowledge** \_\_\_\_\_ of organic farming methods.
8. Professor Yoo has a lot of good **idea** \_\_\_\_\_ and strong **opinion** \_\_\_\_\_.
9. Teaching children to read requires **patience** \_\_\_\_\_.
10. Doctors take care of **patient**\_\_\_\_\_.
11. Mr. Fernandez's English is improving. He's making **progress** \_\_\_\_\_.
12. Wood stoves are a source of **pollution** \_\_\_\_\_ in many cities.

## Exercise 11. Listening. (Charts 11-2 - 11-4)

Listen to the sentences. Add **-s** if the given nouns have plural endings. Otherwise, write **Ø**.

**Ø. Nghe các câu sau. Thêm **-s** nếu danh từ đó là số nhiều. Nếu không, viết **Ø**.**

Example: You will hear: Watch out! There's ice on the sidewalk.

You will write: ice **Ø**

1. chalk _____	6. storm _____
2. soap _____	7. storm _____
3. suggestion _____	8. toothpaste _____
4. suggestion _____	9. stuff _____
5. gold _____	10. equipment _____



## Exercise 12. Let's talk. (Chart 11-4)

These common sayings use abstract nouns. Choose two sayings to explain. **Những câu nói sau đây sử dụng danh từ trừu tượng. Chọn hai câu để giải thích.**

Example: Ignorance is bliss.

- **Ignorance** means you don't know about something. **Bliss** means happiness.

This saying means that you are happier if you don't know about a problem.

1. Honesty is the best policy.
2. Time is money.
3. Laughter is the best medicine.
4. Knowledge is power.
5. Experience is the best teacher.

One's potential or ability to succeed in the pursuit of one's objectives will certainly increase.
Telling the truth is better than lying even when it is hard to do
Laughter is the best way to recover from an illness or depression or sadness
You will learn more from things that happen to you in real life than you will from hearing about or studying things that happen to other people.
Time is a valuable resource, therefore it is better to do things as quickly as possible.



### Exercise 13. Let's talk. (Chart 11-4)

Complete the sentences. Give two to four answers for each item. *Note: Abstract nouns are usually noncount. To find out if a noun is count or noncount, check your dictionary.*

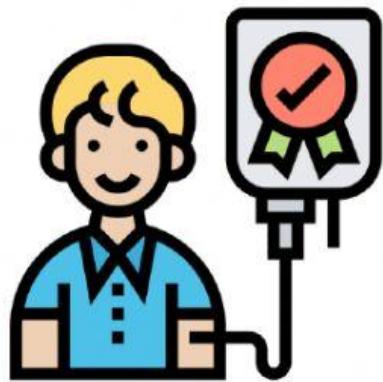
Hoàn thành các câu sau. Đưa ra hai đến bốn câu trả lời cho mỗi mục. Lưu ý: Danh từ trừu tượng thường không đếm được. Để biết một danh từ đếm được hay không, hãy tra từ điển.

1. Qualities I admire in a person are ....

2. Bad qualities people can have are ....

3. Some of the most important things in life are ....

4. Certain bad conditions exist in the world. Some of them are ....



### Exercise 14. Game. (Charts 11-1 - 11-4)

Imagine you are at one of the given places. Make a list of the things you see. *Tưởng tượng bạn đang đứng một trong các nơi sau đây. Lập danh sách những thứ bạn thấy được.*

Example: a teacher's office

-> two windows

-> a lot of grammar books

-> office equipment - a computer, a printer, a photocopy machine

-> office supplies - a stapler, paper clips, pens, pencils, a ruler

-> some pictures

etc.

Places:

a restaurant

a museum

a popular department store

an island

a hotel

an airport

*“Families are the compass that guides us. They are the inspiration to reach great heights, and our comfort when we occasionally falter. ” —Brad Henry*

*Gia đình là chiếc lá bàn chỉ hướng cho mỗi người, là nguồn cảm hứng cho ta bay cao bay xa và là nơi an toàn nhất mỗi khi chúng ta cảm thấy sợ hãi.*